|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂNTỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/NQ-HĐND | *Quảng Bình, ngày  tháng   năm 2024* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về học phí từ năm học 2024 - 2025**

**trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 17**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP;*

*Xét Tờ trình số ..../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về học phí từ năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa-Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về học phí từ năm học 2024 - 2025 đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; hỗ trợ học phí đối với trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông đang học tại các cơ sở giáo dục công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

**Điều 3. Quy định về học phí từ năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

1. Mức thu học phí từ năm học 2024 - 2025

*Đơn vị: đồng/trẻ, học sinh, học viên/tháng*

| **Vùng** | **Mầm non** | **Trung học cơ sở** | **Trung học phổ thông** | **Trung học phổ thông chuyên** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhà trẻ** | **Mẫu giáo** |
| Thành thị | 96.000 | 64.000 | 72.000 | 96.000 | 144.000 |
| Nông thôn | 48.000 | 40.000 | 40.000 | 56.000 | 84.000 |
| Đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển | 32.000 | 24.000 | 16.000 | 32.000 | 48.000 |

Trong trường hợp học trực tuyến thì mức thu học phí bằng 80% mức học phí theo từng cấp học được quy định tại Nghị quyết này.

2. Quy định về vùng

a) Vùng thành thị: bao gồm các phường thuộc thành phố Đồng Hới, các phường thuộc thị xã Ba Đồn.

b) Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển, bao gồm: các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I; các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

c) Vùng nông thôn: các xã, thị trấn còn lại.

Các cơ sở giáo dục căn cứ nơi thường trú của bản thân trẻ, học sinh, học viên để xác định vùng và mức thu học phí đối với đối tượng phải nộp học phí theo quy định. Trường hợp trẻ, học sinh, học viên có nơi thường trú không thuộc tỉnh Quảng Bình thì căn cứ vào địa bàn cơ sở giáo dục để xác định mức thu học phí.

3. Quy định hỗ trợ học phí từ năm học 2024 - 2025

a) Đối tượng hỗ trợ: trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Bình thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển theo quyết định của cấp có thẩm quyền (trừ các đối tượng được miễn học phí theo quy định).

b) Mức hỗ trợ: hỗ trợ 100% khoản học phí phải nộp.

c) Ngân sách tỉnh cấp trực tiếp tiền hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên có các đối tượng thuộc diện hỗ trợ tại điểm a khoản 3 Điều này (sau khi đã trừ nguồn dự phòng cải cách tiền lương).

d) Nguồn kinh phí hỗ trợ được lấy từ nguồn sự nghiệp giáo dục thuộc ngân sách tỉnh hàng năm.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày ….tháng…..năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày .... tháng ... năm 2024./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;- Chính phủ;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;- Vụ Pháp chế - Bộ Tư Pháp;- Vụ Pháp chế - Bộ GDĐT;- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;- Đoàn ĐBQH tỉnh;- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;- Các ban của HĐND tỉnh;- Các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh;- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình;- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;- Lưu: VT, CTHĐND. | **CHỦ TỊCH****Trần Hải Châu** |